

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST

Ngày: 12/9/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Nhật Sum;

2. Bà Nguyễn Thị Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị R, sinh năm: 1958; địa chỉ: thôn QH, xã QL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị R tham gia tố tụng: Bà Đặng Thị Mỹ N, sinh năm: 1988; Địa chỉ: 000/00/00 đường 2 tháng 4, xã ĐD, tỉnh Lâm Đồng - là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh L, sinh năm: 1971; Địa chỉ: thôn NL, xã QL, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 25/12/2015 bà R có cho bà L vay số tiền 30.000.000đ và vào ngày 26/12/2015 bà L có vay thêm số tiền 20.000.000đ. Tổng số tiền bà L nợ của bà R là 50.000.000đ. Khi vay tiền thì bà L nói với bà R là chỉ cho bà L vay tạm trong khoảng 15 ngày thì bà L sẽ trả tiền. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì bà L cứ hứa hẹn chứ không chịu trả và bà nói sẽ thanh toán tiền lãi cho bà R theo thỏa thuận. Sau đó, bà L có trả cho bà R được 5.200.000đ (một lần trả 4.500.000đ và một lần trả 700.000đ) rồi

sau đó bà không trả nữa mặc dù bà R liên hệ yêu cầu bà L trả nợ rất nhiều lần trong 10 năm qua. Nay, bà R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc buộc bà L trả cho bà R số tiền 50.000.000đ nợ gốc. Ngoài ra bà R không yêu cầu gì khác đối với bà L và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh L trình bày: bà thừa nhận có vay của bà R số tiền 50.000.000đ vào ngày 25/12/2015 và 26/12/2015 theo giấy nợ do bà R cung cấp. Tuy nhiên, sau khi vay tiền bà đã trả lãi cho bà R nhiều lần với thỏa thuận 4.500.000đ/tháng. Bà không nhớ đã trả lãi cho bà R bao nhiêu tháng tuy nhiên số tiền lãi đã trả thì bà không có ý kiến gì vì có vay có chịu. Tuy nhiên, cùng với việc trả lãi thì bà có trả tiền gốc nhiều lần cho bà R bằng hình thức trả tiền mặt và bà có làm cái một số dây huê ngày. Bà R có tham gia nhưng không đóng tiền và hàng ngày bà phải đóng huê thay cho bà R. Sau đó bà R có hốt huê thì bà cũng đã chồng tiền cho bà R. Những lần trả tiền mặt và chồng tiền huê trả nợ cho bà R thì bà cũng đã yêu cầu bà R ký xác nhận cho bà về số tiền bà đã thanh toán và đem về nhà cất giữ. Bà xác định tổng số tiền bà đã thanh toán cho bà R là 40.000.000đ. Năm 2018, nhà bà bị cháy nên toàn bộ giấy tờ về việc trả nợ cho bà R đã cháy hết nên cho đến nay bà không còn tài liệu xuất trình cho Tòa án về việc bà đã trả nợ cho bà R. Bà chỉ chấp nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà R số tiền 10.000.000đ chứ không chấp nhận trả cho bà R số tiền 50.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện của bà R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị R về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh L. Buộc bà Huỳnh Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị R số tiền gốc 50.000.000đ và buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn bà Phạm Thị R yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh L trả số tiền nợ vay 50.000.000đ theo “Giấy mượn tiền” ghi ngày 25/12/2015 và 26/12/2015. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Quảng Lập nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đặng Thị Mỹ Nhi có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nhi theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho nguyên đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét việc bà Phạm Thị R yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh L trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ thấy rằng: Theo giấy vay tiền ghi ngày 25/12/2015 thì bà L có nhận của bà R số tiền 30.000.000đ và cũng trong giấy này thể hiện vào ngày 26/12/2015 thì bà L có nhận của bà R số tiền 20.000.000đ. Như vậy tổng số tiền bà L có nhận của bà R theo giấy vay tiền này là 50.000.000đ. Bà L cũng thống nhất có nhận của bà R số tiền 50.000.000đ theo giấy vay tiền này. Như vậy việc bà L có vay tiền và nhận tiền của bà R là có thật.

[2.2] Theo bà L cho rằng bà đã trả cho bà R tiền lãi nhiều lần còn bà R thì cho rằng bà L chỉ trả cho bà R số tiền lãi là 5.200.000đ. Tuy nhiên theo bà L thì số tiền lãi bà đã trả cho bà R thì bà không có ý kiến và cũng không có tranh chấp gì nên hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.3] Đối với số tiền 40.000.000đ bà L cho rằng bà đã trả cho bà R (thông qua hình thức trả bằng tiền mặt và chồng tiền huê) thì Hội đồng xét xử thấy rằng: theo bà L thì mỗi lần trả tiền cho bà R thì bà đều yêu cầu bà R ghi giấy và đem về cất giữ nhưng khi nhà bà bị cháy năm 2018 thì giấy trả nợ đã cháy hết. Nguyên đơn bà R thì cho rằng bà L chưa trả cho bà R bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào ngoài khoản tiền lãi bà đã trả cho bà R. Do bà R không thống nhất về lời trình bày của bà L nên để chứng minh mình đã trả số tiền 40.000.000đ cho bà R hay chưa thì bà L cần phải xuất trình chứng minh cho ý kiến của mình. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L không cung cấp được cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bà đã trả cho bà R 40.000.000đ. Do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của bà L không có căn cứ để xem xét.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà R là có căn cứ nên cần buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh L phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị R số tiền nợ vay 50.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 280, khoản 1, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị R được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 175, 177, 179, 207, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 280, khoản 1, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470,

của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn bà Phạm Thị R đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh L. Buộc bà Huỳnh Thị Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị R số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: buộc bà Huỳnh Thị Thanh L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ. Bà Phạm Thị R là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí nên không đề cập đến.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Riêng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDKV2-Lâm Đồng;
- Phòng THADSKV2 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ